

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐHPT – HNGĐ ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Văn Đăng T, sinh năm 1977; nơi thường trú và cư trú: Thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đinh Thị H trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh Văn Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhưng không chia sẻ được với nhau. Ngoài ra, anh T nghi ngờ chị có quan

hệ tình cảm với người khác làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau Mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Đến tháng 10/2023 do không chịu đựng được sự căng thẳng trong cuộc sống vợ chồng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở; từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau, sống ly thân cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Văn Đăng T.

*** Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Văn Đăng H, sinh ngày 15/6/2015; hiện đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do yêu cầu của công việc và theo nguyện vọng của con nên khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu H thì chị sẽ tự nguyện thực hiện cho anh T 2.000.000 đồng/một tháng.

*** Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Văn Đăng T trình bày:

*** Về hôn nhân:** Anh và chị Đinh Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Ngày 28/12/2020 âm lịch anh bị tai nạn giao thông nghiêm trọng, phải mổ 4 lần và chị H chăm sóc anh bình thường. Khoảng tháng 10/2023 âm lịch, chị H tự bỏ nhà đi và không nói gì với anh lý do chị H bỏ đi; anh chị chấm dứt quan hệ từ đó đến nay. Việc chị H làm đơn ly hôn gửi Tòa án không nói gì với anh cho nên khi Tòa án thông báo cho anh việc chị H gửi đơn khởi kiện ly hôn anh thì anh rất ngạc nhiên; anh có trao đổi với chị H nhưng không nói gì được với chị.

Nay, chị H xin ly hôn anh, anh không nhất trí, anh mong muốn Tòa án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ.

*** Về con chung:** Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Văn Đăng H, sinh ngày 15/6/2015; hiện đang ở với anh, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị giao cháu H cho anh nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu H với anh. Tuy nhiên nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H thì anh cũng đồng ý.

*** Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm về vấn đề ly hôn, con chung và giải quyết tài sản như đã trình bày ở trên. Về cấp dưỡng nuôi con, chị tự nguyện thực hiện và chị không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị H. Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Văn Đăng T.

- Về con chung: Giao cháu Văn Đăng H, sinh ngày 15/6/2015 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Văn Đăng T đăng

ký thường trú và cư trú tại thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Văn Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến khoảng đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T bị tai nạn, sức khỏe yếu, kinh tế gia đình khó khăn. Khi chị H đi làm thì anh T lại nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng to tiếng với nhau. Từ tháng 10/2023 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ nhưng anh T không có lời nói hay hành động để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc cho xảy ra. Bản thân chị H kiên quyết xin ly hôn. Chính quyền địa phương xã A xác định khi chị H đến trụ sở UBND xã A làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ ly hôn để nộp cho Tòa án thì các ban ngành cũng đã động viên chị H về đoàn tụ nhưng chị H nói kiên quyết ly hôn nên khả năng anh chị đoàn tụ là không còn. Do vậy Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T thật sự đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ; chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đinh Thị H và anh Văn Đăng T có 01 con chung là cháu Văn Đăng H, sinh ngày 15/6/2015; hiện đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Xét chị H, anh T đều đề nghị giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên chấp nhận đề nghị này của anh chị.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu H do anh T không yêu cầu và chị H không đề nghị ghi nhận việc chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H trong bản án nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Văn Đăng T.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Đăng H, sinh ngày 15/6/2015 cho anh Văn Đăng T nuôi dưỡng.

Anh T và các thành viên trong gia đình anh T không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000599 ngày 22/4/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)